

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số:...../20.../QH...

DỰ THẢO 2

/11/2018

LUẬT

PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Phòng, chống ma túy.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và tệ nạn ma túy; kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy; quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; cai nghiện; trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống ma túy; hợp tác quốc tế và quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống ma túy.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chất ma túy là các chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong các danh mục do Chính phủ ban hành.
2. Chất gây nghiện là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng.
3. Chất hướng thần là chất kích thích, ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đối với người sử dụng.
4. Tiền chất là các hóa chất cần thiết trong quá trình điều chế, sản xuất chất ma túy, được quy định trong danh mục do Chính phủ ban hành.
5. Thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất là các loại thuốc chữa bệnh được quy định trong các danh mục do Bộ Y tế ban hành, có chứa các chất quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.
6. Thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất là các loại thuốc thú y được quy định trong các danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, có chứa các chất quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

7. Cây có chứa chất ma túy bao gồm cây thuốc phiện (cây anh túc), cây cô ca, cây cần sa hoặc cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định.
8. Phòng, chống ma túy là phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và tệ nạn ma túy; kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.
9. Tội phạm về ma túy là các hành vi phạm tội được quy định tại Chương Các tội phạm về ma túy trong Bộ luật Hình sự.
10. Tệ nạn ma túy là tình trạng nghiện ma túy, sử dụng trái phép chất ma túy và các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
11. Các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy bao gồm các hoạt động nghiên cứu, giám định, sản xuất, vận chuyển, bảo quản, tồn trữ, mua bán, phân phối, sử dụng, xử lý, trao đổi, nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh; tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập các chất quy định tại các khoản 1, 4, 5 và 6 Điều này, được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật.
12. Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy là việc cho phép, theo dõi, kiểm tra, giám sát các hoạt động quy định tại khoản 11 Điều này và phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng các hoạt động đó vào mục đích khác.
13. Người nghiện ma túy là người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và bị lệ thuộc vào các chất này.
14. Người sử dụng trái phép chất ma túy là người tự ý hoặc đồng ý cho người khác đưa chất ma túy vào cơ thể mình mà không được sự cho phép của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền.
15. Cai nghiện ma túy là quá trình thực hiện tổng thể các can thiệp, hỗ trợ về tâm lý, nhận thức, pháp lý, xã hội và sức khỏe để giúp người nghiện ma túy nâng cao nhận thức và không còn nghiện ma túy.

Điều 4. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Trồng cây có chứa chất ma túy.
2. Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, bảo quản, mua bán, phân phối, giám định, xử lý, trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu; tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập; quá cảnh, nghiên cứu trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất. Vi phạm các quy định về giao nhận, quản lý, kiểm soát, lưu giữ, cấp phát, cho phép người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần.
3. Sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; xúi giục, cưỡng bức, lôi kéo, chứa chấp, hỗ trợ việc sử dụng trái phép chất ma túy.
4. Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất, sử dụng trái phép chất ma túy.
5. Hợp pháp hóa tiền, tài sản do phạm tội về ma túy mà có.
6. Chống lại hoặc cản trở việc cai nghiện ma túy.
7. Trả thù hoặc cản trở người có trách nhiệm hoặc người tham gia phòng, chống ma túy.

8. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp để vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.
9. Các hành vi trái phép khác về ma túy.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về phòng, chống ma túy

1. Phòng, chống ma túy là trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và của toàn xã hội.
2. Nhà nước có chính sách khuyến khích, bảo vệ cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức tham gia phòng, chống ma túy; tổ chức đấu tranh chống các tội phạm về ma túy và sử dụng đồng bộ các biện pháp kinh tế, pháp luật, văn hóa, xã hội, nghiệp vụ để tuyên truyền, vận động nhân dân, cán bộ, công chức và cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân tham gia phòng, chống ma túy; kết hợp phòng, chống ma túy với phòng, chống các loại tội phạm, HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội khác.

Điều 6. Nguyên tắc trong hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy

1. Nhà nước Việt Nam thực hiện các điều ước quốc tế về phòng, chống ma túy và các điều ước quốc tế khác có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và các bên cùng có lợi; hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong hoạt động phòng, chống ma túy.
2. Cá nhân, tổ chức nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, đi lại trên lãnh thổ Việt Nam có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam về phòng, chống ma túy.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

Điều 7. Trách nhiệm của cá nhân, gia đình

1. Giáo dục thành viên trong gia đình, thân nhân về tác hại của ma túy và thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy; quản lý, ngăn chặn thành viên trong gia đình tham gia tội phạm và tệ nạn ma túy.
2. Thực hiện đúng chỉ định của thầy thuốc về sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần để chữa bệnh.
3. Hợp tác với cơ quan chức năng đấu tranh với tội phạm ma túy; tham gia hỗ trợ hoạt động cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện và tại cộng đồng; theo dõi, giúp đỡ người đã cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện.
4. Cung cấp kịp thời những thông tin về tội phạm và tệ nạn ma túy, việc trồng cây có chứa chất ma túy cho cơ quan Công an hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tham gia triệt phá cây có chứa chất ma túy do chính quyền địa phương tổ chức.

Điều 8. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp

1. Tổ chức và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tuyên truyền, giáo dục nhân dân kiến thức, pháp luật về phòng, chống ma túy; xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, văn minh.

2. Phòng ngừa, ngăn chặn người của tổ chức mình và mọi công dân tham gia tội phạm và tệ nạn ma túy.
3. Giám sát hoạt động phòng, chống ma túy ở cơ quan, nhà trường, các cơ sở giáo dục khác và địa bàn dân cư.
4. Phối hợp với chính quyền các cấp, các cơ quan có thẩm quyền để vận động cai nghiện ma túy; tham gia giáo dục, dạy nghề, tìm việc làm và giúp đỡ người đã cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện.

Điều 9. Trách nhiệm của nhà trường và các cơ sở giáo dục

1. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục về phòng, chống ma túy; giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy và lối sống lành mạnh cho học sinh, sinh viên, học viên; quản lý chặt chẽ, ngăn chặn học sinh, sinh viên, học viên tham gia tội phạm và tệ nạn ma túy.
2. Phối hợp với gia đình, cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương để quản lý, giáo dục học sinh, sinh viên, học viên về phòng, chống ma túy.
3. Phối hợp với cơ quan y tế và chính quyền địa phương tổ chức xét nghiệm khi cần thiết để phát hiện học sinh, sinh viên, học viên nghiện ma túy hoặc sử dụng trái phép chất ma túy.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức phòng, chống ma túy ở cơ quan, đơn vị mình; phòng ngừa, ngăn chặn cán bộ, công chức và cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân tham gia tội phạm và tệ nạn ma túy; tuyên truyền, động viên cán bộ, công chức và cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân và nhân dân phát hiện, tố giác, đấu tranh với tội phạm và tệ nạn ma túy.
2. Tại các vùng xóa bỏ cây có chứa chất ma túy, các cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước về phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp để thay thế việc trồng cây có chứa chất ma túy; quy hoạch cơ cấu nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và thị trường phù hợp để nhân dân chuyển hướng sản xuất có hiệu quả.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan thông tin, truyền thông

Các cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân tổ chức tuyên truyền, giáo dục để nhân dân nhận thức rõ về tác hại của ma túy; chủ trương, chính sách, pháp luật, biện pháp của Nhà nước về phòng, chống ma túy.

Điều 12. Chính sách đối với người tham gia phòng, chống ma túy

1. Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức tham gia các hoạt động phòng, chống ma túy được Nhà nước bảo vệ và giữ bí mật.
2. Trường hợp cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức do tham gia phòng, chống ma túy mà bị thiệt hại về tài sản thì được Nhà nước đền bù; trường hợp cá nhân bị thương tích, tổn hại về sức khỏe hoặc bị thiệt hại về tính mạng thì bản thân hoặc gia đình được hưởng chế độ, chính sách đặc biệt theo quy định của Chính phủ.
3. Cơ quan Công an, Hải quan, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Viện kiểm sát, Tòa án và chính quyền các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 13. Trách nhiệm, quyền hạn của các lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy

1. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân được tiến hành một số hoạt động sau đây:

- a) Nòng cốt, chủ trì thực hiện các hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy;
- b) Áp dụng các biện pháp nghiệp vụ trinh sát, kỹ thuật cần thiết để điều tra, phát hiện tội phạm về ma túy;
- c) Trưng cầu giám định mẫu vật, mẫu phẩm sinh học cần thiết để phát hiện tội phạm về ma túy;
- d) Yêu cầu cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan, phối hợp, cung cấp thông tin, tài liệu, tình hình tài chính và tài khoản tại ngân hàng khi có căn cứ cho rằng có hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 8, 9 Điều 4 của Luật này;
- đ) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động bưu chính, dịch vụ chuyển phát mở bưu kiện, bưu phẩm, hàng hóa để kiểm tra khi có căn cứ cho rằng trong bưu kiện, bưu phẩm, hàng hóa đó có chứa chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất;
- e) Áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ người tố giác, người làm chứng và người bị hại trong các vụ án về ma túy;
- g) Phối hợp với các cơ quan chức năng chống tội phạm ma túy của các nước và các tổ chức chống tội phạm ma túy quốc tế để tiến hành trao đổi thông tin và phối hợp điều tra các vụ án liên quan đến tội phạm ma túy xuyên quốc gia.

2. Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thực hiện quy định tại điểm d điểm đ và điểm e khoản 1 Điều này theo yêu cầu của cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy.

3. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan Công an, các cơ quan hữu quan khác thực hiện và áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy tại khu vực hoặc địa bàn quản lý, kiểm soát.

4. Chính phủ quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục, thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy trong việc thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

Điều 14. Xử lý tài sản, phương tiện bị tịch thu trong các vụ vi phạm pháp luật về ma túy

1. Phương tiện, tài sản bị tịch thu trong các vụ vi phạm pháp luật về ma túy khi bản án, quyết định tịch thu có hiệu lực pháp luật thì được giao cho lực lượng chuyên trách phòng, chống ma túy để phục vụ công tác phòng, chống ma túy.

2. Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục xử lý phương tiện, tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương III

KIỂM SOÁT CÁC HOẠT ĐỘNG HỢP PHÁP LIÊN QUAN ĐẾN MA TÚY

Điều 15. Quản lý các hoạt động hợp pháp về ma túy

1. Việc nghiên cứu, giám định, sản xuất, vận chuyển, bảo quản, tồn trữ, mua bán, phân phối, sử dụng, xử lý, trao đổi, nhập khẩu, xuất khẩu; tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập; quá cảnh lãnh thổ Việt Nam chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất phải được quản lý chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ quy định về nội dung, điều kiện, thủ tục, cơ chế phối hợp, thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 16. Quản lý hoạt động vận chuyển chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất

1. Cá nhân, cơ quan, tổ chức được vận chuyển chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất phải đóng gói, niêm phong theo quy định của cơ quan có thẩm quyền, chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng hàng của mình và có biện pháp bảo vệ an toàn, không để bị thất thoát.

2. Việc vận chuyển các chất quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 17. Quản lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất tại các cơ sở y tế

Việc tồn trữ, bảo quản, kê đơn và bán thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất để chữa bệnh tại các cơ sở y tế phải thực hiện theo quy định của Bộ Y tế.

Điều 18. Quản lý thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất

Việc sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, tồn trữ, bảo quản, kê đơn và bán thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất để chữa bệnh cho động vật tại các cơ sở thú y phải thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Điều 19. Lập hồ sơ các hoạt động hợp pháp về ma túy

Cá nhân, cơ quan, tổ chức tiến hành các hoạt động quy định tại các điều 15, 16, 17 và 18 của Luật này phải lập hồ sơ về các hoạt động đó theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và thông báo cho các cơ quan có liên quan khi có yêu cầu để phối hợp quản lý, kiểm soát chặt chẽ.

Điều 20. Nhập khẩu, xuất khẩu; tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập; quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có

chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất

1. Chỉ cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện do Chính phủ quy định và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép mới được phép nhập khẩu, xuất khẩu; tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập; quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

2. Các trường hợp vận chuyển quá cảnh lãnh thổ Việt Nam chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất phải có giấy phép quá cảnh của Bộ trưởng Bộ Công an Việt Nam. Tổ chức cần vận chuyển quá cảnh phải gửi đơn và hồ sơ xin phép quá cảnh kèm theo giấy phép của nước xuất khẩu và nước nhập khẩu đến Bộ Công an Việt Nam để làm thủ tục.

Giấy phép quá cảnh được gửi cho tổ chức xin phép, Hải quan cửa khẩu nơi có hàng quá cảnh đi qua và các cơ quan khác có liên quan. Giấy phép quá cảnh có giá trị một lần trong thời hạn được ghi trong giấy phép.

Việc vận chuyển quá cảnh các chất quy định tại khoản 1 Điều này phải theo đúng hành trình đã ghi trong giấy phép quá cảnh. Tổ chức vận chuyển quá cảnh phải làm thủ tục, chịu sự kiểm soát của cơ quan Hải quan và các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

3. Mọi trường hợp vận chuyển các chất, thuốc quy định tại khoản 1 Điều này vào, ra hoặc qua lãnh thổ Việt Nam mà không có giấy phép hoặc không tuân thủ các quy định khác của pháp luật Việt Nam về vận chuyển, nhập khẩu, xuất khẩu; tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập; quá cảnh thì đều bị coi là vận chuyển trái phép.

Điều 21. Hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh

Việc giao, nhận, vận chuyển, tồn trữ, bảo quản, sử dụng, nhập khẩu, xuất khẩu; tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập; quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần vì mục đích quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 22. Vận chuyển, tồn trữ thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất vì mục đích y tế

1. Việc mang theo một số lượng hạn chế thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất dự phòng cho việc sơ cứu, cấp cứu trong cuộc hành trình hoặc du lịch quốc tế trên tàu thủy, tàu bay, tàu hỏa, ô tô hoặc các phương tiện vận tải khác không bị coi là mang hàng xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.

Người chỉ huy hoặc điều khiển phương tiện vận tải có trách nhiệm làm thủ tục khai báo với cơ quan Hải quan của Việt Nam, giải trình về số lượng thuốc đã sử dụng và áp dụng các biện pháp an toàn thích hợp để ngăn chặn việc sử dụng không đúng mục đích hoặc vận chuyển trái phép các thuốc đó. Khi cần thiết, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam được tiến hành kiểm tra, kiểm soát trên các phương tiện vận tải đó.

2. Việc mang theo thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối

hợp có chứa tiền chất để chữa bệnh của cá nhân khi nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam được thực hiện theo quy định của Bộ Y tế Việt Nam và phải chịu sự kiểm soát của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Điều 23. Xử lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất thu giữ trong vụ vi phạm pháp luật về ma túy

1. Chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất trong các vụ án hình sự, vụ vi phạm hành chính phải tịch thu và xử lý như sau:

a) Trả lại cho chủ sở hữu trong trường hợp chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất được sử dụng trong các hoạt động hợp pháp về ma túy bị chiếm đoạt;

b) Sử dụng trong nghiên cứu khoa học, Y tế, công tác giám định, truy nguyên nguồn gốc; đào tạo tập huấn về công tác phòng, chống ma túy; huấn luyện động vật nghiệp vụ;

c) Tiêu hủy theo quy định của pháp luật trong trường hợp không thuộc điểm a, điểm b Khoản này.

2. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xử lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất tại khoản 1 Điều này.

Điều 24. Xử lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất kém chất lượng hoặc quá hạn sử dụng.

1. Việc xử lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất kém chất lượng hoặc quá hạn sử dụng không thuộc trường hợp quy định tại Điều 23 của Luật này thực hiện theo quy định của Bộ Y tế.

2. Việc xử lý thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất kém chất lượng hoặc quá hạn sử dụng không thuộc trường hợp quy định tại Điều 23 của Luật này thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Chương IV

QUẢN LÝ NGƯỜI SỬ DỤNG TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY

Điều 25. Xác định người sử dụng trái phép chất ma túy

1. Bị phát hiện khi đang sử dụng trái phép chất ma túy.

2. Xét nghiệm có dương tính với chất ma túy mà người đó không chứng minh được việc sử dụng chất ma túy là hợp pháp.

3. Người không chấp hành yêu cầu xét nghiệm chất ma túy của người thi hành công vụ thì cơ quan chức năng có quyền cưỡng chế để thực hiện xét nghiệm.

Điều 26. Quy định của Nhà nước về quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

1. Người sử dụng trái phép chất ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Giám sát, quản lý, giáo dục người sử dụng trái phép chất ma túy để họ không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy và kịp thời ngăn chặn các hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội.

Điều 27. Trách nhiệm của người sử dụng trái phép chất ma túy, gia đình, cơ quan, tổ chức

1. Người sử dụng trái phép chất ma túy có trách nhiệm:

a) Tự khai báo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của mình với cơ quan, tổ chức nơi làm việc, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) hoặc Công an cấp xã nơi cư trú;

b) Người sử dụng trái phép chất ma túy phải chấp hành việc xét nghiệm theo yêu cầu của cơ quan Công an cấp xã nơi cư trú để xác định có hay không việc sử dụng trái phép chất ma túy;

c) Người sử dụng trái phép chất ma túy chuyển nơi cư trú có trách nhiệm thông báo cho Công an cấp xã nơi cư trú và nơi đến biết để theo dõi, quản lý.

2. Gia đình người sử dụng trái phép chất ma túy có trách nhiệm:

a) Theo dõi, quản lý, giáo dục, động viên người sử dụng trái phép chất ma túy không sử dụng trái phép chất ma túy;

b) Kịp thời báo với cơ quan chức năng khi phát hiện người thân tiếp tục có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, ngăn chặn người sử dụng trái phép chất ma túy có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội;

c) Hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền và đóng góp một phần kinh phí đưa người sử dụng trái phép chất ma túy đi xét nghiệm.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hiện người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy có trách nhiệm báo tin ngay cho cơ quan Công an nơi gần nhất.

Điều 28. Thống kê người sử dụng trái phép chất ma túy

1. Công an cấp xã thống kê người sử dụng trái phép chất ma túy cư trú trên địa bàn quản lý.

2. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bị phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy mà người đó không còn sử dụng trái phép chất ma túy thì đưa ra khỏi danh sách thống kê.

3. Bộ Công an có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn thực hiện việc thống kê người sử dụng trái phép chất ma túy.

Chương V

CAI NGHIỆN MA TÚY

Điều 29. Chính sách của Nhà nước về cai nghiện ma túy

1. Áp dụng chế độ cai nghiện đối với người nghiện ma túy, khuyến khích người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện.

2. Tổ chức cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc.
3. Khuyến khích cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức thực hiện việc cai nghiện tự nguyện cho người nghiện ma túy; hỗ trợ hoạt động cai nghiện ma túy, sau cai nghiện ma túy và phòng, chống tái nghiện ma túy; nghiên cứu, sản xuất, ứng dụng thuốc và phương pháp cai nghiện ma túy.
4. Hỗ trợ kinh phí thực hiện cai nghiện ma túy và phòng, chống tái nghiện ma túy.
5. Tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài hỗ trợ, đầu tư vào hoạt động cai nghiện ma túy và phòng, chống tái nghiện ma túy được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Trách nhiệm người nghiện ma túy, gia đình và Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Người nghiện ma túy có trách nhiệm:
 - a) Tự khai báo về tình trạng nghiện ma túy của mình với cơ quan, tổ chức nơi làm việc hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) nơi cư trú và tự đăng ký hình thức cai nghiện ma túy;
 - b) Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về cai nghiện ma túy.
2. Gia đình người nghiện ma túy có trách nhiệm:
 - a) Khai báo với Ủy ban nhân dân cấp xã về người nghiện ma túy trong gia đình mình và đăng ký hình thức cai nghiện cho người đó;
 - b) Động viên, giúp đỡ và quản lý người nghiện ma túy cai nghiện tại cơ sở cai nghiện, tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng theo sự hướng dẫn, giám sát của cán bộ y tế và Ủy ban nhân dân cấp xã;
 - c) Theo dõi, giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn người nghiện sử dụng trái phép chất ma túy hoặc có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội;
 - d) Hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện và đóng góp kinh phí cai nghiện theo quy định của pháp luật.
3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức cho người nghiện ma túy, gia đình người nghiện ma túy khai báo về tình trạng nghiện ma túy và đăng ký hình thức cai nghiện.

Điều 31. Thống kê người nghiện ma túy

1. Công an cấp xã lập hồ sơ quản lý, theo dõi và thống kê người nghiện ma túy cư trú trên địa bàn quản lý.
2. Người nghiện ma túy trong thời gian 03 năm kể từ ngày kết thúc một hình thức cai nghiện mà không phát hiện người đó sử dụng trái phép chất ma túy thì đưa ra khỏi danh sách người nghiện.
3. Bộ Y tế có trách nhiệm thống kê người nghiện ma túy đang tham gia chương trình điều trị nghiện bằng thuốc thay thế.
4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thống kê người nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện.
5. Bộ Công an có trách nhiệm thống kê người nghiện cư trú ngoài xã hội, trong các nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam, trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục và tổng hợp số liệu người nghiện trong toàn quốc.

Điều 32. Các biện pháp và hình thức cai nghiện ma túy

1. Các biện pháp cai nghiện ma túy bao gồm:

- a) Cai nghiện ma túy tự nguyện;
- b) Cai nghiện ma túy bắt buộc.

2. Các hình thức cai nghiện ma túy bao gồm:

- a) Cai nghiện ma túy tại gia đình;
- b) Cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng;
- c) Cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện.

Điều 33. Biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện

1. Biện pháp cai nghiện tự nguyện được áp dụng với người nghiện cai nghiện tại gia đình, cộng đồng hoặc cơ sở cai nghiện.

2. Người nghiện ma túy và gia đình đăng ký hình thức cai nghiện tự nguyện phù hợp và đóng góp kinh phí. Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí cho các trường hợp cai nghiện tự nguyện.

3. Thời hạn cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng, cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện từ sáu tháng đến mười hai tháng.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng, hướng dẫn, hỗ trợ cai nghiện ma túy tại gia đình.

5. Chính phủ quy định chi tiết về cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện tự nguyện ma túy tại cộng đồng và cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện.

Điều 34. Biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc

1. Biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc áp dụng với người nghiện từ đủ 18 tuổi trở lên.

2. Trình tự, thủ tục, đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được thực hiện theo Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 35. Cai nghiện ma túy cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi

Việc quản lý, cai nghiện đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 36. Trách nhiệm của người nghiện ma túy khi cai nghiện bắt buộc

1. Tuân thủ nội quy, quy chế và chịu sự quản lý, giáo dục, điều trị nghiện của cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Lao động, học tập, học nghề, chữa bệnh để cai nghiện và góp phần đảm bảo đời sống trong thời gian cai nghiện.

Điều 37. Cai nghiện ma túy cho người bị tạm giam, phạm nhân, trại viên của cơ sở giáo dục, học sinh trường giáo dưỡng

1. Nhà nước áp dụng phương pháp cai nghiện thích hợp đối với người nghiện ma túy là người bị tạm giam, phạm nhân, trại viên của cơ sở giáo dục, học sinh của trường giáo dưỡng. Cơ quan quản lý các cơ sở này phối hợp chặt chẽ với cơ quan y tế địa phương để thực hiện quy định này.

2. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Giám đốc cơ sở giáo dục, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cai nghiện ma túy của người nghiện ma túy quy định tại khoản 1 Điều này khi họ trở về nơi cư trú.

Điều 38. Cơ sở cai nghiện ma túy

1. Cơ sở cai nghiện được bố trí các khu:

- a) Khu dành riêng cho người cai nghiện bắt buộc;
- b) Khu dành cho người cai nghiện tự nguyện;
- c) Khu lưu trú cho người xác định tình trạng nghiện và chờ lập hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Trong cơ sở cai nghiện, những người nghiện ma túy sau đây phải được bố trí vào các khu vực tách riêng với những người nghiện ma túy khác để quản lý và chữa bệnh:

- a) Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi;
- b) Phụ nữ;
- c) Người có bệnh truyền nhiễm nguy hiểm;
- d) Người có hành vi gây rối trật tự.

3. Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm thực hiện đúng phương pháp cai nghiện đã được cơ quan có thẩm quyền duyệt; tổ chức lao động, học tập, chữa bệnh cho người cai nghiện ma túy.

4. Người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy được quyết định áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật để quản lý chặt chẽ, giáo dục, chữa bệnh cho người cai nghiện và yêu cầu chính quyền địa phương, lực lượng vũ trang nhân dân giúp đỡ khi cần thiết; kiểm tra hành chính người nghiện, đồ vật trong cơ sở cai nghiện khi phát hiện có dấu hiệu cất giấu chất ma túy, các vật dụng cấm trong người, đồ vật.

5. Chính quyền địa phương, lực lượng vũ trang nhân dân có trách nhiệm phối hợp thực hiện các biện pháp bảo vệ cơ sở cai nghiện ma túy và hỗ trợ cán bộ, công chức, nhân viên tại các cơ sở này khi có yêu cầu.

6. Cán bộ cơ sở cai nghiện ma túy được sử dụng công cụ, phương tiện hỗ trợ để ngăn chặn hành vi gây rối của người nghiện ma túy, truy tìm người nghiện bỏ trốn khỏi cơ sở cai nghiện.

7. Cơ sở cai nghiện ma túy phải tôn trọng danh dự, nhân phẩm, tính mạng, sức khỏe, tài sản của người cai nghiện ma túy.

Điều 39. Chấp hành hình phạt khi đang cai nghiện bắt buộc

Người đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện mà phạm tội, nếu thời gian bị phạt tù ít hơn thời gian cai nghiện ma túy thì sau khi chấp hành xong hình phạt tù phải tiếp tục cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Trường hợp phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng cho hưởng án treo thì vẫn phải thực hiện cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 40. Hòa nhập cộng đồng và phòng, chống tái nghiện

1. Người nghiện ma túy sau khi chấp hành xong thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện được tạo điều kiện tham gia các hoạt động hỗ trợ hòa nhập cộng đồng và các chương trình phòng, chống tái nghiện.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức các hoạt động hòa nhập cộng đồng.

3. Chính phủ quy định cụ thể các hoạt động hỗ trợ hòa nhập cộng đồng, chương trình phòng, chống tái nghiện.

Điều 41. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp nơi có người nghiện ma túy cư trú

Ủy ban nhân dân các cấp nơi có người nghiện ma túy có trách nhiệm lập kế hoạch tổ chức cai nghiện tự nguyện, hòa nhập cộng đồng và phòng, chống tái nghiện trên địa bàn quản lý; chỉ đạo cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với cơ quan Công an, Y tế, Giáo dục và đào tạo cùng cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức cai nghiện ma túy, quản lý, giáo dục người nghiện ma túy và người đã cai nghiện ma túy; hỗ trợ, tạo điều kiện cho người đã cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng.

Điều 42. Can thiệp giảm tác hại của nghiện ma túy

1. Biện pháp can thiệp giảm tác hại của nghiện ma túy là biện pháp làm giảm hậu quả tác hại liên quan đến hành vi sử dụng ma túy của người nghiện gây ra cho bản thân, gia đình và cộng đồng.

2. Biện pháp can thiệp giảm tác hại của nghiện ma túy được triển khai trong nhóm người nghiện ma túy thông qua chương trình, dự án phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội.

3. Chính phủ quy định cụ thể các biện pháp can thiệp giảm tác hại của nghiện ma túy và tổ chức thực hiện các biện pháp này.

Điều 43. Huy động nguồn lực xã hội trong tổ chức cai nghiện ma túy

1. Kinh phí để xây dựng cơ sở vật chất, tổ chức cai nghiện ma túy, hòa nhập cộng đồng, can thiệp giảm tác hại, phòng, chống tái nghiện ma túy được quy định tại các điều 33, 34, 35, 37, 38, 40 và 42 của Luật này, bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước;

b) Đóng góp của người cai nghiện ma túy, thân nhân và gia đình họ;

c) Kết quả lao động trị liệu của người nghiện tại cơ sở cai nghiện;

d) Các nguồn tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Người nghiện ma túy, gia đình của người nghiện ma túy, có trách nhiệm đóng góp kinh phí cai nghiện theo quy định của Chính phủ; trường hợp có hoàn cảnh khó khăn thì được xét giảm hoặc miễn đóng góp kinh phí cai nghiện.

3. Cơ sở cai nghiện ma túy được tiếp nhận các khoản đóng góp, tài trợ của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài để cai nghiện cho người nghiện ma túy và phải quản lý, sử dụng các khoản đóng góp, tài trợ đó theo quy định của pháp luật.

Chương VI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

Điều 44. Nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chủ trương, chính sách, kế hoạch về phòng, chống ma túy.
2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.
3. Tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về phòng, chống ma túy.
4. Ban hành, sửa đổi, bổ sung, công bố danh mục chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần.
5. Cấp, thu hồi giấy phép hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.
6. Quyết định thành lập, giải thể cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; cấp, thu hồi giấy phép hoạt động của các cơ sở khác về cai nghiện ma túy; tổ chức và quản lý việc cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng cho người đã cai nghiện ma túy.
7. Tổ chức đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy.
8. Thực hiện thống kê nhà nước về phòng, chống ma túy.
9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ về phòng, chống ma túy.
10. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống ma túy.
11. Hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy.
12. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

Điều 45. Phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy.
2. Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện việc thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy.
3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với các cơ quan hữu quan trong phòng, chống ma túy.
4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy tại địa phương; chỉ đạo việc tuyên truyền, giáo dục, tổ chức phòng, chống ma túy tại địa phương; quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy, việc cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng cho người đã cai nghiện ma túy.

Điều 46. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chủ trương, chính sách, kế hoạch phòng, chống tội phạm về ma túy; tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch phòng, chống ma túy của các bộ, ngành trình Chính phủ.
2. Chủ trì phối hợp với các cơ quan nhà nước hữu quan trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy; tổ chức tiếp nhận và xử lý thông tin về tội phạm ma túy; kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.
3. Ban hành và tổ chức thực hiện quy chế quản lý chất ma túy và tiền chất phục vụ đấu tranh chống tội phạm về ma túy.

4. Tổ chức lực lượng điều tra các tội phạm về ma túy, hướng dẫn các cơ quan khác tiến hành điều tra ban đầu các tội phạm này theo quy định của pháp luật.
5. Tổ chức công tác giám định chất ma túy và tiền chất.
6. Tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác điều tra, đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy, giám định chất ma túy và tiền chất; kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.
7. Thực hiện thống kê nhà nước về phòng, chống ma túy; quản lý thông tin về các tội phạm về ma túy; giám sát, quản lý, theo dõi người sử dụng trái phép chất ma túy.
8. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo việc lập hồ sơ và tổ chức đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, giữ gìn an ninh, trật tự tại các cơ sở cai nghiện, kiểm tra hoạt động cai nghiện ma túy tại cộng đồng và trong các cơ sở cai nghiện.
9. Thực hiện hợp tác quốc tế về phòng, chống tội phạm về ma túy.
10. Bộ trưởng Bộ Công an cấp, thu hồi giấy phép quá cảnh lãnh thổ Việt Nam chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; cấp, thu hồi giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu chất ma túy sử dụng trong lĩnh vực đấu tranh chống tội phạm.

Điều 47. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống ma túy ở khu vực biên giới trên đất liền, trên biển, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.
2. Phối hợp với cơ quan hữu quan của nước khác để phát hiện, ngăn chặn các hành vi phạm pháp luật về ma túy, kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy tại địa bàn theo quy định của Khoản 1 Điều này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy của Bộ đội Biên phòng và Cảnh sát biển.

Điều 48. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chỉ đạo cơ quan Hải quan thực hiện hoạt động phòng, chống ma túy theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Chủ trì phối hợp với Bộ Công an và các bộ, ngành, chính quyền địa phương xây dựng dự toán kinh phí phòng, chống ma túy trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chủ trương, chính sách, kế hoạch tổ chức cai nghiện ma túy; chỉ đạo tổ chức cai nghiện ma túy và giải quyết các vấn đề xã hội do nghiện ma túy gây ra.
2. Tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác cai nghiện ma túy và giải quyết các vấn đề xã hội do nghiện ma túy gây ra.
3. Chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức hữu quan và chính quyền địa phương xây dựng, hướng dẫn hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy; dạy nghề, tạo việc làm, tư vấn, hỗ trợ, tạo điều kiện

vật chất và tinh thần để giúp đỡ người đã cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện.

4. Thống kê, đánh giá tình hình cai nghiện ma túy và giải quyết các vấn đề xã hội sau cai nghiện.
5. Hướng dẫn, chỉ đạo việc thành lập, giải thể cơ sở cai nghiện bắt buộc, cấp, thu hồi giấy phép hoạt động của các cơ sở khác về cai nghiện ma túy.
6. Thực hiện hợp tác quốc tế về cai nghiện ma túy và giải quyết các vấn đề xã hội sau cai nghiện.

Điều 50. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Ban hành danh mục, quy chế quản lý thuốc gây nghiện, tiền chất, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất sử dụng trong lĩnh vực y tế và tổ chức thực hiện quy chế đó; ban hành và chủ trì phối hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức thực hiện quy chế quản lý chất ma túy sử dụng trong lĩnh vực y tế, phân tích, kiểm nghiệm và nghiên cứu khoa học.
2. Quy định việc nghiên cứu thuốc và phương pháp cai nghiện ma túy; cấp, thu hồi giấy phép lưu hành thuốc, phương pháp cai nghiện ma túy; hướng dẫn, thủ tục xác định người nghiện ma túy; hỗ trợ về người, chuyên môn kỹ thuật y tế để cai nghiện ma túy.
3. Thực hiện hợp tác quốc tế về kiểm soát thuốc gây nghiện, tiền chất, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất sử dụng trong lĩnh vực y tế, phân tích, kiểm nghiệm và nghiên cứu khoa học.
4. Chỉ đạo các cơ sở y tế phối hợp xét nghiệm, xác định tình trạng nghiện ma túy và cai nghiện cho người nghiện ma túy ở xã, phường, thị trấn.
5. Bộ trưởng Bộ Y tế cấp, thu hồi giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc cai nghiện ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất, chất ma túy, tiền chất sử dụng trong lĩnh vực y tế, phân tích, kiểm nghiệm và nghiên cứu khoa học.

Điều 51. Trách nhiệm của Bộ Công thương

Phương án 1:

1. Theo dõi, hướng dẫn, đề xuất Chính phủ ban hành danh mục, quy chế quản lý tiền chất sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp và tổ chức thực hiện quy chế đó;
2. Thực hiện hợp tác quốc tế về kiểm soát tiền chất sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp.
3. Bộ trưởng Bộ Công Thương cấp, thu hồi giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu tiền chất sử dụng trong các lĩnh vực sản xuất, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật này.

Phương án 2: Bỏ khoản 1

1. Thực hiện hợp tác quốc tế về kiểm soát tiền chất sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp.
2. Bộ trưởng Bộ Công Thương cấp, thu hồi giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu tiền chất sử dụng trong các lĩnh vực sản xuất, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật này.

Điều 52. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Ban hành và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phòng, chống ma túy; xây dựng, tổ chức thực hiện các dự án giáo dục phòng, chống ma túy trong nhà trường, các cơ sở giáo dục khác.

Điều 53. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan, Đài truyền hình, Đài tiếng nói Việt Nam; chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền phòng, chống ma túy.

Điều 54. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan lồng ghép nội dung tuyên truyền về phòng, chống ma túy vào các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch; chỉ đạo, trực tiếp tổ chức quản lý, kiểm tra, kiểm soát, hướng dẫn các hoạt động văn hóa, dịch vụ, thể thao và du lịch không để sơ hở làm phát sinh tệ nạn ma túy.

Điều 55. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các cơ quan, tổ chức hữu quan khác tuyên truyền, giáo dục, tổ chức xóa bỏ cây có chứa chất ma túy.
2. Thực hiện chương trình trợ giúp chuyển hướng sản xuất có hiệu quả, ổn định đời sống của nhân dân.
3. Ban hành danh mục, quy chế quản lý thuốc thú y chứa chất ma túy, tiền chất và tổ chức thực hiện quy chế đó.
4. Thực hiện hợp tác quốc tế về kiểm soát tiền chất phục vụ trong lĩnh vực nông nghiệp.
5. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp, thu hồi giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

Điều 56. Kiểm tra, thanh tra trong quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy

Các cơ quan quy định tại các điều từ Điều 45 đến Điều 55 của Luật này, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định về quản lý các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy; phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh chống tệ nạn ma túy; cai nghiện ma túy; nghiên cứu khoa học, huấn luyện nghiệp vụ phòng, chống ma túy.
2. Xử lý các vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật và yêu cầu cơ quan điều tra khởi tố, điều tra các hành vi có dấu hiệu của tội phạm về ma túy.

Điều 57. Kinh phí đảm bảo cho công tác phòng, chống ma túy

Kinh phí cho công tác phòng, chống ma túy do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương VII

HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÒNG, CHỐNG MA TUÝ

Điều 58. Chính sách hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy

Nhà nước Việt Nam thực hiện chính sách hợp tác quốc tế đa phương và song phương trong lĩnh vực phòng, chống ma túy trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền quốc gia với các nước; khuyến khích các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài hợp tác với các cơ quan, tổ chức

của Việt Nam hỗ trợ lẫn nhau về cơ sở vật chất, tăng cường năng lực pháp luật, thông tin, công nghệ và đào tạo cho hoạt động phòng, chống ma túy.

Điều 59. Cơ sở pháp lý trong hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy

Trên cơ sở các quy định của Luật này và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện các chương trình hợp tác về phòng, chống ma túy với các cơ quan hữu quan của các nước, các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Điều 60. Hợp tác quốc tế giải quyết các vụ việc cụ thể về ma túy

Việc phối hợp giữa các cơ quan hữu quan của Việt Nam với nước có liên quan để giải quyết vụ việc cụ thể về ma túy phải tuân theo các quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước có liên quan đã ký kết hoặc tham gia, hoặc theo thỏa thuận trực tiếp giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ nước có liên quan.

Điều 61. Tương trợ tư pháp trong phòng, chống ma túy

1. Nhà nước Việt Nam dành ưu tiên cho nước ký kết điều ước quốc tế song phương với Việt Nam sự tương trợ tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm về ma túy.
2. Nhà nước Việt Nam có thể từ chối tương trợ tư pháp trong các trường hợp sau:
 - a) Yêu cầu tương trợ tư pháp không phù hợp với các điều ước quốc tế về phòng, chống ma túy mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia và pháp luật Việt Nam;
 - b) Việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp gây tổn hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc lợi ích quan trọng khác của Việt Nam.

Điều 62. Thỏa thuận giữa các cơ quan tư pháp

Trong trường hợp Việt Nam và nước có liên quan không cùng tham gia điều ước quốc tế đa phương hoặc chưa ký với nhau điều ước quốc tế song phương thì các cơ quan tư pháp của Việt Nam trong khuôn khổ pháp luật và thực tiễn của mình, được thỏa thuận trực tiếp với cơ quan tư pháp của nước có liên quan trong việc điều tra, truy tố, xét xử tội phạm về ma túy.

Điều 63. Chuyển giao hàng hóa có kiểm soát

Nhà nước Việt Nam thực hiện yêu cầu chuyển giao hàng hóa có kiểm soát trên cơ sở điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia để phát hiện và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội về ma túy. Quyết định sử dụng biện pháp này được tiến hành theo thỏa thuận giữa các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và của nước có liên quan.

Chương VIII

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 64. Khen thưởng trong công tác phòng, chống ma túy

Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có thành tích trong đấu tranh phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 65. Xử lý vi phạm trong công tác phòng, chống ma túy

1. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật; việc xử lý phải kiên quyết, công khai và thông báo cho cơ quan, tổ chức, chính quyền cơ sở nơi người vi phạm làm việc hoặc cư trú.

2. Người nào sử dụng tài sản, phương tiện của mình để chứa chấp hoặc tạo điều kiện cho các hoạt động trái phép về ma túy; không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về phòng, chống ma túy; cản trở, chống đối, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người tố giác, người làm chứng, người bị hại, người thi hành công vụ hoặc có hành vi khác vi phạm các quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm các quy định của Luật này trong khi thi hành nhiệm vụ về phòng, chống ma túy thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Người đứng đầu chính quyền các cấp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm về tình hình ma túy tại địa phương, cơ quan, đơn vị được giao phụ trách.

Điều 66. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động phòng, chống ma túy

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 67. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm

Những văn bản hướng dẫn Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) có nội dung không trái với Luật này tiếp tục có hiệu lực cho đến khi có văn bản thay thế. Nội dung của văn bản hướng dẫn Luật phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) trái với Luật này thì hết hiệu lực.

Điều 68. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật này./.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa, kỳ họp thứ thông qua ngày thángnăm

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI